

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 16-03-2020
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH-TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hạnh – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 03 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 359/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019, Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXX-ST ngày 19/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6a/2020/QĐXX-ST ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Ngọc D, sinh năm: 1980; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 01, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm: 1966; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 01, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 01 tháng 10 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Ngọc D trình bày:

Bà Phạm Ngọc D và ông Nguyễn Hoàng Q chung sống với nhau từ năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại: Tổ 5, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn tiền bạc chi tiêu trong gia đình nên vợ chồng thường cãi vã nhau. Nay bà D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm

trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà D và ông Q sống với nhau có 03 con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 28/02/2004; Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016. Nay ly hôn, bà D yêu cầu trực tiếp nuôi 03 con chung. Trước đây bà D có yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nay bà D rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, bà D chỉ yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con 02 con chung Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có nên bà D không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về hôn nhân: Ông Q thống nhất với trình bày của bà D về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn. Theo ông Q vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn do bà D đi làm công ty, ít quan tâm đến gia đình nên phát sinh mâu thuẫn. Nay bà D yêu cầu ly hôn, theo biên bản ghi lời khai ngày 26/12/2019 ông Q đồng ý ly hôn nhưng đến ngày 30/12/2019 ông Q thay đổi ý kiến không đồng ý, muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung.

Về con chung: Ông Q thống nhất vợ chồng có 03 con chung như bà D trình bày trong đơn khởi kiện. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông Q đồng ý giao 03 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng nhưng ông Q chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông Q cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, để vợ chồng tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Ngọc D có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung.

Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q vắng mặt không lý do đến lần thứ 2.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm;

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1, Điều 28: điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 9, 55, 81, 82, 83

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27, Nghị quyết về án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q, giao 03 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Q cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 mỗi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hai con đủ 18 tuổi. Bà D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn bà Phạm Ngọc D khởi kiện đối với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q có nơi cư trú tại: Tổ 05, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[2].Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Ngọc D và ông Nguyễn Hoàng Q sống với nhau từ năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Việc kết hôn là do hai người hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống thì bà D và ông Q phát sinh mâu thuẫn không hoà giải được. Nguyên nhân mâu thuẫn được bà D xác định do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau về vấn đề kinh tế. Ông Q cho rằng vợ chồng mâu thuẫn không lớn do bà D thay đổi tình cảm, không quan tâm lo lắng cho gia đình. Theo xác minh tại Ban ấp 01, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước thì vợ chồng bà D, ông Q không có đơn ly hôn gửi Ban ấp nên Ban ấp không biết nguyên nhân họ mâu thuẫn là gì. Bà D hiện làm công nhân tại Công ty giày Thông Hào còn ông Q ở nhà mua bán mít. Vợ chồng ông Q, bà D không có gây nợ nần tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông Q cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng để ly hôn, muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con chung, nhưng thái độ không dứt khoát, lúc muốn ly hôn, lúc không muốn ly hôn. Tòa án đã tổ chức hòa giải để vợ chồng xem xét đoàn tụ nhưng ông Q không đến tham dự phiên hòa giải thể hiện thái độ bỏ mặc trong khi bà D cương quyết xin ly hôn. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Ngọc D, cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông Q có 03 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 28/02/2004; Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q đồng ý giao 03 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con, ông Q trình bày chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho hai con chung Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016. Tại phiên tòa hôm nay, bà D đồng ý trực tiếp nuôi 3 con chung và đồng ý chỉ yêu cầu ông Q cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng cho 02 con chung Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai 02 con chung trên 7 tuổi là cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 28/02/2004, Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011. Hai cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao 03 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 28/02/2004, Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Hoàng Q cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do bà D là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 264; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Ngọc D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

- Về con chung: Giao ba con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày: 28/02/2004; Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc ông Nguyễn Hoàng Q cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Hoàng N K, sinh ngày: 24/6/2011 và

Nguyễn Phạm Như A, sinh ngày: 08/6/2016 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng để khi đủ 18 tuổi.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0003893 ngày 02/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh – VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Cơ quan THADS huyện Chơn Thành;
- UBND xã M, huyện C,
tỉnh Bình Phước
- Các đương sự;
- Lưu HS+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà